

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĨNH LINH  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Bản án số: 20/2020/HS-ST

Ngày: 07/8/2020

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LINH, TỈNH QUẢNG TRỊ**

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Vĩnh;
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Tạ Thanh Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Minh Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm, công khai, rút gọn vụ án hình sự thụ lý số: 26/2020/TLST-HS ngày 27/7/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục rút gọn số: 22/2020/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo:

**Phan Ngọc S;** tên gọi khác: Đen; sinh ngày: 20/4/1984, tại huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận; nơi ĐKNKTT và chỗ ở: khu phố x, phường y, thành phố Z, tỉnh Quảng Trị; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hoá: 04/12; nghề nghiệp: Lái xe; con ông Phan Đình H(đã chết) và bà Lương Thị Gái; có vợ là Hoàng Thị Kim Thu và 02 người con; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đang bị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Linh áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

- Bị hại: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1982. Vắng mặt có lý do.  
Trú tại: Thôn T xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị.
- Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1973. Vắng mặt.  
Trú tại: Khu phố b, thị trấn h, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị.

**NỘI D V U ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Phan Ngọc S, sinh năm 1984, trú tại khu phố x, phường y, thành phố Z, tỉnh Quảng Trị là nhân viên lái xe của nhà xe Tiến Khoa, sáng ngày 02/7/2020, chở khách đi dự đám hỏi của chị Hoàng Thị D ở khu phố b, thị trấn h. Trong thời gian đợi khách dự tiệc, S nằm võng, nhìn thấy một số xe máy của khách đến dự tiệc để ở sân nhà bà Võ Thị Thiện nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Khoảng 8 giờ, quan sát xung quanh không có ai, S đi đến xe mô tô nhãn hiệu Airblade biển kiểm soát 74G1-04111 của bà Nguyễn Thị H (trú tại Thôn T xã C, huyện C), dùng tay trái nắm vào cạnh bên trái của phần yên phía sau, cách đuôi yên khoảng 20cm, kéo lên theo phương thẳng đứng, tạo thành khoảng hở rồi đưa tay phải vào kiểm tra tài sản bên trong cốp. Sờ thấy cọc tiền được bọc trong một tờ giấy, để trong túi xách, bị cáo S lấy tiền ra, cho vào túi quần rồi đi đến quán tạp hóa cách nhà bà Thiện khoảng 100m ngồi uống nước. Đến 10 giờ 30 phút, S chở khách vào Đông Hà và trở về nhà, đếm số tiền trộm cắp được là 6.400.000 đồng và cất vào tủ quần áo của gia đình. Hối hận với hành vi của mình nên đến

19 giờ 30 phút cùng ngày, bị cáo S ra tự thú và giao nộp số tiền 6.400.000 đồng tại cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Vĩnh Linh.

Quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ 6.400.000 đồng tiền do ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành, gồm: 01 (một) tờ mệnh giá 500.000 đồng; 25 (hai lăm) tờ mệnh giá 200.000 đồng; 05 (năm) tờ mệnh giá 100.000 đồng; 08 (tám) tờ mệnh giá 50.000 đồng. Vật chứng trên đã trả lại cho chủ sở hữu là bà Nguyễn Thị H.

Tại Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số 01/QĐ-VKS-HS ngày 27 tháng 7 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Linh truy tố bị cáo Phan Ngọc S về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tại phiên tòa: VKSND huyện Vĩnh Linh giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Tòa án áp dụng khoản 1 Điều 173 BLHS tuyên bố bị cáo Phan Ngọc S phạm tội “Trộm cắp tài sản”, đề nghị áp dụng các điểm b, i, r, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo S từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ, khấu trừ 5% thu nhập sung quỹ nhà nước, nếu bị mất, nếu bị cáo không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt này thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Bị cáo thành khẩn khai báo, công nhận Quyết định truy tố và luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Linh đối với bị cáo là đúng; bị cáo nói lời sau cùng nhận ra sai trái của mình và đề nghị Tòa án xem xét xử phạt ở mức hình phạt thấp nhất.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại, người làm chứng tại Cơ quan điều tra và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của chủ sở hữu, sáng 02/7/2020 bị cáo Phan Ngọc S đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 6.400.000 đồng của bà Nguyễn Thị H. Bị cáo có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Bị cáo Phan Ngọc S phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ đồng thời gây mất trật tự trị an trên địa bàn. Tuy nhiên, sau khi phạm tội bị cáo đã tự thú về hành vi của mình, ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo, tự nguyện khắc phục thiệt hại, bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng,

bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

[4] Về hình phạt: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có 04 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS, bị cáo có nhân thân tốt, nơi cư trú rõ ràng, xét thấy bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Vì vậy, cần áp dụng điều 54 BLHS để ấn định mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, áp dụng thêm Điều 65 BLHS cho bị cáo hưởng án treo.

[5] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Bị cáo đã giao nộp số tiền đã lấy cắp cho Cơ quan điều tra, bị hại đã nhận đủ số tiền của mình và không có yêu cầu gì khác nên không xét.

[6] Về án phí: Bị cáo bị kết án phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự:

Tuyên bố: Bị cáo Phan Ngọc S (Đen) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng các điểm b, i, r, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 54, 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Phan Ngọc S (Đen) 04 (Bốn) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (07/8/2020).

Giao bị cáo Phan Ngọc S (Đen) cho UBND phường y, thành phố z, tỉnh Quảng Trị giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự. “Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Toà án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ Luật tố tụng hình sự; Điều 6; khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Phan Ngọc S (Đen) chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Ngọc Vĩnh**